

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2024/DS-PT

Ngày 27/5/2024

Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Trọng.

Các Thẩm phán: Ông Trương Quang Tú và ông Hoàng Hữu Tăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 03 năm 2024 về việc Tranh chấp về thừa kế tài sản. Do bản án sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1953; Địa chỉ: Khu phố C, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Tuấn A, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số F, đường N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên và ông Nguyễn Khắc A1, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn A, xã L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

Bị đơn: Bà Lê Thị V, sinh năm 1956; Địa chỉ: Khu phố C, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà V: Luật sư Diệp Năng B thuộc Văn phòng L1; Địa chỉ: Tầng B, Tòa nhà N- T1 khu Ngoại giao đoàn, phường X, quận B, thành phố Hà Nội. Đều có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lã Thị V1, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

2. Ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1956; Địa chỉ: Khu phố C, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

3. UBND phường L; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Tuấn D; chức vụ: Phó chủ tịch UBND phường L. Đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lã Thị H trình bày:

Bà có bố, mẹ đẻ là cụ Trần Văn T và cụ Nguyễn Thị T1 (cụ T1, cụ T đều đã chết). Năm 1953, sau khi sinh bà được mấy ngày, bà được cụ Lã Ngọc Í và cụ Nguyễn Thị Y nhận làm con nuôi. Cụ Y chết năm 2007, cụ Í chết năm 2020, hai cụ đều không để lại di chúc. Ngoài bà là con nuôi, cụ Í và cụ Y còn sinh được hai người con là bà Lã Thị V, bà Lã Thị V1. Việc bà được nhận làm con nuôi, hàng xóm, người thân hai bên gia đình, chính quyền địa phương đều biết và xác nhận việc này. Cụ Í, cụ Y chăm sóc, nuôi dưỡng, cho bà đi học, hai lần tổ chức xây dựng gia đình cho bà. Năm 1979, bà sinh con là chị Trần Thị H1. Do cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, đến năm 1980 bà đã ly hôn. Hai mẹ con quay về ở nhà cụ Í và cụ Y. Đến năm 1992, hai cụ cho bà đất %, giúp đỡ làm nhà để hai mẹ con bà ra ở riêng. Có lần bố đẻ của bà là cụ T đến xin cụ Í và cụ Y để đón bà về nhưng bà không về. Giấy tờ tùy thân cũ của bà bị thất lạc, hiện bà còn lưu giữ được các loại giấy tờ như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 15/3/1996, Sổ hộ khẩu ngày 05/6/2002, Giấy chứng minh thư nhân dân cấp ngày 09/9/2008, Thông báo nộp thuế nhà đất năm 2011, Giấy khai sinh đăng ký ngày 09/11/2020 đều ghi tên bà là Lã Thị H. Ngoài ra, trong giấy khai sinh của bà còn ghi họ tên cha Lã Ngọc Í, họ tên mẹ Nguyễn Thị Y. Khi hai cụ chết, bà đều đến chịu tang như bốn phần của một người con trong gia đình.

Khi còn sống, cụ Í và cụ Y có khối tài sản là:

+ *Về nhà ở:* Nhà cấp 4 có 3 gian lợp bằng tre nửa được cụ Í và cụ Y xây dựng khoảng năm 1979 (hiện nay ngôi nhà này không còn, do năm 2006 bà V và ông Đ xây nhà mới nên đã phá bỏ toàn bộ). Nhà ngang có 02 gian phía dưới dùng để đun nấu và làm nhà ăn và có 01 phòng để ở; nay đã xuống cấp, dột nát không còn giá trị sử dụng.

+ *Về quyền sử dụng đất:* Thừa đất số 72, tờ bản đồ số 8, diện tích 433 m² loại đất (A) và thửa đất số 79, tờ bản đồ số 8, diện tích 595 m², loại đất (T), địa chỉ khu phố C, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên, mang tên cụ Lã Ngọc Í và cụ Nguyễn Thị Y. Cả hai thửa đất đã được đăng ký trong sổ mục kê và sổ đăng ký ruộng đất.

Đối với phần diện tích 119,8 m² đất thổ cư trong tổng diện tích 595 m² đất, năm 2010 cụ Í và bà V, bà V1 đã họp bàn để bán cho chị Q và anh K (vắng mặt bà) để lấy tiền chữa bệnh cho cụ Í. Sau đó chị Q và anh K bán lại mảnh đất trên cho anh Nguyễn Việt V2 và chị Nguyễn Thị L. Việc cụ Í bán đất năm 2010, bà đồng ý và không đề nghị giải quyết việc này. Đối với nhà cấp 4 có 3 gian, lợp bằng tre nửa nhưng bà V đã phá dỡ và nhà ngang không còn giá trị sử dụng, bà cũng không yêu cầu giải quyết.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Í và cụ Y là quyền sử dụng đất diện tích 433 m² loại đất (A) tại thửa đất số 72, tờ bản đồ số 8 và diện tích 595 m², loại đất (T), tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 8, địa chỉ khu phố C, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên cho bà và các thừa kế của cụ Í và cụ Y.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với di sản thừa kế là đất ao của cụ Í và cụ Y, đồng thời tự nguyện nhường phần di sản này cho bà V và bà V1.

Bị đơn là bà Là Thị V3 trình bày: Cụ Í và cụ Y sinh được 10 người con, trong đó có 08 người chết khi còn nhỏ, hiện chỉ còn bà và bà Lã Thị V1. Do hai cụ có nhiều con bị chết khi còn nhỏ nên cụ Í và cụ Y có nhận miệng cru mang, nuôi dưỡng thêm 7 người con. Cả 7 người này không có ai có tên trong sổ hộ khẩu của gia đình bà và bà cũng không có thông tin gì của những người này. Có người chỉ ở cùng gia đình bà khoảng 3 đến 4 năm, có người học đến lớp 4 thì về với gia đình. Riêng bà H được cụ Í và cụ Y nhận nuôi từ lúc lọt lòng, cho đi học đến hết lớp 7 thì nghỉ học. Năm 1974 và năm 1978 hai lần cụ Í và cụ Y tổ chức lễ cưới cho bà H. Cuối năm 1979 bà H sinh con được một vài tháng, do không ở được với gia đình nhà chồng, bà H lại bỏ về. Cụ Í đã đề nghị với chính quyền địa phương cho bà H ra ở riêng tại khu đất đầu lợn (khi nhận đất thì phải nuôi lợn trả nhà nước, đến năm 1990 đổi tên là đất %). Bà phải đổi phần diện tích đất đầu lợn của bà cho người khác để lấy đất cho mẹ con bà H ở. Cụ Í, cụ Y còn thuê người xây nhà, công trình phụ cho mẹ, con bà H ở trên diện tích 200 m² đất (đất phần %) từ thời điểm đó đến nay. Có lần ông T, bố đẻ bà H lên đón bà H về nhưng bà H không về. Bà H sống với gia đình bà đến năm 1978 thì gây mâu thuẫn với gia đình. Bà H tuyên bố từ mặt cụ Í và cụ Y, khi hai cụ ốm đau bà H không chăm sóc, phụng dưỡng, những ngày giỗ Tết, không sang thăm, còn có những lời lẽ xúc phạm gia đình bà.

Về di sản của cụ Í và cụ Y để lại gồm có: Đất thổ cư có diện tích 595 m² và đất ao có diện tích 433 m². Quá trình sử dụng, năm 1985 cụ Í một mình xuống UBND xã L làm thủ tục tách diện tích 300 m² đất thổ cư (tức đất trại thừa như ghi trong hóa đơn của UBND xã). Hóa đơn do ông Bùi Tuấn A2 là địa

chính của xã L ghi thu tiền 30.000 đồng lệ phí tách trại. Nội dung hóa đơn còn ghi trừ phần diện tích 300 m². Hóa đơn viết bằng bút chì trên giấy than do lâu ngày đã bị mờ và hỏng do vậy đến nay bà không còn bản này để nộp cho Tòa án. Sau khi cụ Í tách 300 m² cho bà đến năm 1986 bà đóng thuế diện tích 300 m² đất thổ cư. Đến năm 1990 theo Nghị quyết 100 mỗi chủ hộ được trừ 200 m² đất ở và đất xây dựng không phải đóng thuế, gia đình bà có hai hộ (bao gồm hộ cụ Í và hộ gia đình bà, mặc dù vẫn chung một sổ hộ khẩu do cụ Í là chủ hộ) cũng được trừ tổng hai hộ là 400 m² nên cụ Í và bà mỗi hộ chỉ phải đóng thuế diện tích còn lại 100 m² đất thổ cư (trại thừa). Từ năm 1985 khi cụ Í tách cho bà diện tích 300 m² đất thổ cư, từ đó đến nay bà chưa làm bất cứ thủ tục nào để tách thửa và sang tên diện tích đất trên. Năm 2010 cụ Í, bà và bà V1 đã hợp bàn bán một phần diện tích 119,8 m² đất thổ cư trong tổng diện tích 595 m² đất cho chị Q và anh K để lấy tiền chữa bệnh cho cụ Í.

Trong quá trình sử dụng đất, bà và chồng là ông Đỗ Văn Đ đã xây dựng toàn bộ tài sản trên đất. Đối với đất ao, khi còn sống bố, mẹ bà thả cá. Sau này vợ chồng bà sử dụng để nuôi ba ba. Đến năm 2022, gia đình san lấp ao để làm vườn trồng cây. Tổng số tiền san lấp là 130 triệu. Ngoài ra các tài sản trên đất như nhà hai tầng gia đình bà xây hết 1,2 tỷ, các công trình như tường, cổng, sân gạch xây hết khoảng 100 triệu. Nhà cấp 4 mái ngói cùng chuồng bò, chuồng lợn được xây từ năm 1979, đến nay không còn giá trị sử dụng nên không đề nghị định giá, sau này phân chia thuộc về phần đất của ai thì người đó sử dụng.

Năm 2007, cụ Í và cụ Y chết có để lại bản di chúc, di chúc này không được công chứng, chứng thực nhưng có hai người làm chứng. Cụ Í trước có làm ở Phòng Tài chính huyện K, nên biết chữ. Cụ Y ở nhà làm ruộng không được đi học, không biết chữ, cụ Y tự học nên chỉ ghi được duy nhất mỗi tên của mình. Năm 2007 cụ Í bị bệnh đục thủy tinh thể kéo dài khoảng 10 năm cả hai mắt nhìn không rõ nên có nhờ bà viết hộ di chúc (cụ Í đọc cho bà viết). Hôm đó có 5 người bao gồm cụ Í, cụ Y, ông D1, ông Đ1 và bà. Viết xong mọi người cùng ký vào di chúc, còn mọi người có đọc lại di chúc hay không thì bà không nhớ, riêng bà không ký vào bản di chúc này. Ông D1 là một trong hai người làm chứng ký vào di chúc hiện đã già, không còn minh mẫn, bà V1 không biết có bản di chúc này do mọi người không nói cho bà V1 biết. Gần đây bà V1 mới biết việc bố, mẹ để lại di chúc, còn cụ thể nội dung di chúc như thế nào thì bà V1 không biết.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Í và cụ Y quan điểm của bà không đồng ý. Thứ nhất do bà H không phải là con nuôi cụ Í và cụ Y. Mặt khác năm 2007 bố, mẹ bà có để lại di chúc phân chia toàn bộ khối di sản trên cho bà và bà V1, không chia cho bà H nên bà H không có quyền đòi hỏi về quyền lợi. Đối với phần diện tích đất 119.8 m² đã bán cho anh K và chị Q để lấy

tiền chữa bệnh cho cụ Í, bà không có ý kiến gì. Diện tích đất còn lại của hai cụ thuộc về hai chị em bà theo di chúc. Bà và bà V1 không đề nghị Tòa án chia tách riêng phần của mỗi người. Khi nào cần sử dụng bà và bà V1 sẽ tự thỏa thuận phân chia với nhau. Đối với tài sản là nhà, công trình và cây trồng trên đất là của gia đình bà, bà không yêu cầu giải quyết. Số tiền thuế sử dụng đất, bà là người sử dụng đất nên bà phải nộp, bà không yêu cầu ai phải chịu thuế sử dụng đất.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan là bà Lã Thị V1 trình bày thống nhất với bị đơn về quan hệ gia đình và di sản thừa kế của cụ Í, cụ Y. Ngoài ra, bà trình bày, ngày 28/3/2007, cụ Í và cụ Y có lập di chúc để phân chia di sản cho các con, di chúc này không được công chứng, chứng thực nhưng có người làm chứng, gần đây bà mới biết có bản di chúc này. Hiện bà V3 là người đang giữ bản di chúc gốc. Trong di chúc, hai cụ có cho bà một phần đất có kích thước 9m mặt “tính từ góc khế đến giáp tường rãnh nước, phía Tây giáp đường...”. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà không nhất trí. Bà không đề nghị Tòa án chia, tách riêng phần tài sản của hai chị em bà, mà gộp chung lại, khi nào cần sử dụng hai bà sẽ tự thỏa thuận phân chia với nhau.

Người làm chứng là ông Trần Đăng K1 trình bày: Ông là cháu ruột của cụ T. Cụ T có vợ là cụ Nguyễn Thị Thục s được một người con là bà H, khi sinh bà H được 3 ngày thì cụ T, cụ T1 cho cụ Lã Ngọc Í và cụ Nguyễn Thị Y ở L làm con nuôi. Sau này cụ T và cụ T1 không ở với nhau, đi lập gia đình riêng không ai chăm sóc bà H. Hiện cụ T1 và cụ T đều đã chết. Ông là cháu ruột nên được hưởng toàn bộ tài sản, bà H không được hưởng tài sản gì. Sau khi được nhận làm con nuôi, bà H đã được cụ Í và cụ Y nuôi dưỡng, chăm sóc cho ăn học và đặt tên đầy đủ là Lã Thị H. Khi bà H đi lấy chồng đều được cụ Í, cụ Y tổ chức đám cưới hai lần, sinh được một người con gái, nhưng sau đó cũng không ở được với nhau, mẹ con bà H về nhà cụ Í ở, được một thời gian cụ Í cho bà H ra ở riêng là chỗ ở hiện nay. Hai lần bà H đi lấy chồng, gia đình cụ Í đều thông báo và mời gia đình ông đến dự.

Người làm chứng là ông Lã Ngọc Đ2 tại biên bản lấy lời khai ngày 12/9/2023 trình bày:

Ông là anh em trong họ với cụ Í, do thời gian đã lâu nên ông không nhớ, ông chỉ nhớ khi cụ Í còn sống, ông có sang nhà cụ Í chơi, cụ Í có nói với ông là làm giấy tờ cho đất các con và nhờ ông ký là người làm chứng. Do là anh, em họ hàng nên ông đồng ý ký làm chứng vào giấy tờ do cụ Í đã chuẩn bị từ trước. Khi ký ông không đọc nội dung, ngoài ra ông không chứng kiến nội dung nào khác. Khi còn sống cụ Í và cụ Y chỉ có hai người con đẻ là bà V3 và bà V1. Ngoài ra cụ Í và cụ Y có nhận nuôi chị H làm con nuôi.

Tại đơn trình bày ngày 26/9/2023 ông Đ2 trình bày: Ông được ông Lã Ngọc Í và bà Nguyễn Thị Y mời ông đến để chứng kiến việc viết di chúc cho chị Lã Thị V sinh ngày 28/10/1956 là con gái trưởng của ông, bà. Ông cùng ông Lã Ngọc D2 ngồi trực tiếp trong lúc ông Lã Ngọc Í và bà Y viết, khi viết xong ông và ông Lã Ngọc D2 đều ký tên trên bản di chúc đó.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 25/01/2024 của TAND thành phố Hưng Yên đã quyết định:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lã Thị H về việc chia một phần diện tích đất trong diện tích đất thổ cư là di sản thừa kế của cụ Í và cụ Y nằm ở phía sau (phía Bắc), thửa đất số 79 thuộc tờ bản đồ số 8, địa chỉ khu phố C, phường L, thành phố H.

+ Việc phân chia di sản như sau:

- Giao cho bà H được hưởng diện tích đất là: 141 m² tương đương với số tiền là 1.269.300.000 đồng. (Trên đất có đoạn tường bao dài 5,26 m, 01 phần ngôi nhà ngang, một phần lán và 01 cây roi phi 20cm). Tại thửa đất số 79 bản đồ 8 loại đất T, địa chỉ thửa đất khu phố C, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Do bà H được chia kỹ phần trên đất có tài sản của ông Đ và bà V trồng và xây dựng cụ thể. Có đoạn tường bao dài 5,26 m; 01 phần ngôi nhà ngang; một phần căn lán và 01 cây roi phi 20cm. Căn cứ biên bản định giá của Hội đồng định giá ngày 16/5/2023, trị giá tài sản hiện còn để tính giá trị phần tài sản trên. Tường bao trị giá thành tiền = 1400.000 đồng (làm tròn); 01 cây roi phi 20cm, đơn giá 1.000.000 đồng/cây. Tổng trị giá thành tiền là 2.400.000 đồng. Buộc bà H phải trả cho ông Đ và bà V số tiền là 2.400.000 đồng này. Đối với 01 phần ngôi nhà ngang và một phần căn lán do không còn giá trị sử dụng nên không xem xét.

Ông Đ và bà V phải tháo dỡ toàn bộ phần diện tích tường bao dài 5,26 m; 01 phần ngôi nhà ngang; một phần căn lán và 01 cây roi phi 20cm để trả lại mặt bằng cho bà H.

- Giao cho bà V, bà V1 cùng quản lý khối di sản là quyền sử dụng đất của cụ Í và cụ Y có diện tích là 452 m². Tại thửa đất số 79 bản đồ 8 loại đất "T", địa chỉ thửa đất khu phố C, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- Giao cho bà V, bà V1 cùng quản lý khối di sản là quyền sử dụng đất của cụ Í và cụ Y có diện tích là 433 m² loại đất ao. Tại thửa đất số 72 bản đồ 8 (loại đất ao), địa chỉ thửa đất khu phố C, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Trên diện tích đất thổ cư và đất ao mà bà V, bà V1 được giao quản lý có tài sản là các công trình, sân, tường bao, cây cối. Do đây là tài sản riêng của ông

Đ và bà V, các đương sự không yêu cầu giải quyết, các đương sự tự giải quyết với nhau nên HĐXX không xem xét giải quyết.

+ Tạm giao cho ông Đ và bà V quản lý đối với diện tích đất dôi dư là 168,9 m² nằm ở phía trước (phía Nam thửa đất) tại thửa số 72 tờ bản đồ số 8, do bà V và ông Đ đang quản lý và sử dụng. Bà V, bà V1, ông Đ, các đồng thừa kế có trách nhiệm liên hệ với UBND cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 02 và 05/02/2024, các bà Lã Thị V và Lã Thị V1 kháng cáo, không đồng ý chia di sản thừa kế là đất ở của cụ Lã Ngọc Í và cụ Nguyễn Thị Y cho bà Lã Thị H.

Ngày 07/02/2024, bà Lã Thị H kháng cáo, đề nghị chia di sản thừa kế là phần còn lại nằm trong tổng diện tích 595m² đất thổ cư, diện tích đất ao 433m² và đất nông nghiệp của cụ Lã Ngọc Í, cụ Nguyễn Thị Y cho các thừa kế theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

+ Nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo; bà V và bà V1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên trình bày quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà V và bà V1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Các đương sự đều thừa nhận năm 1953, bà H được cụ Í và cụ Y nhận về nuôi dưỡng, chăm sóc, cho đi học, cho mang họ của cụ Í và được đặt tên là Lã Thị H; được hai cụ tổ chức lễ cưới, đề nghị với chính quyền địa phương giao đất, được hai cụ hỗ trợ để làm nhà ở. Cho nên, có căn cứ xác định giữa cụ Í, cụ Y và bà H có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục như cha mẹ và con.

[3] Theo quy định tại Điều 50 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 và khoản 1 Điều 23 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi thì việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với nhau trước ngày Luật này có hiệu lực mà chưa đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì được đăng ký trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực (ngày 01/01/2011). Tuy nhiên, cũng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Nuôi con nuôi thì một trong các điều kiện để đăng ký nuôi con nuôi là các bên phải còn sống kể từ ngày luật có hiệu lực. Do cụ Y chết năm 2007 nên việc đăng ký không thực hiện được. Mặt khác, pháp luật cũng không có quy định về hậu quả pháp lý của việc các bên không thực hiện thủ tục đăng ký nuôi con nuôi. Như vậy, việc cụ Í, cụ Y và bà H không thực hiện đăng ký nuôi con nuôi cũng không làm thay đổi bản chất quan hệ pháp luật giữa hai bên trên thực tế là bố mẹ nuôi và con nuôi. Bà H là con nuôi nên căn cứ quy định tại Điều 653 BLDS thì bà H có quyền hưởng di sản thừa kế của cụ Í và cụ Y. Do vậy, kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng nguyên đơn không phải là con nuôi nên không có quyền thừa kế tài sản của cụ Í và cụ Y là không có căn cứ, không được chấp nhận.

[4] Bà V và bà V1 cho rằng bà H đã tuyên bố từ mặt cụ Í và cụ Y, có thái độ hỗn láo, sống không đúng bổn phận, đạo hiếu của người con với hai cụ nên không được quyền hưởng di sản của hai cụ thì thấy, một mặt bà V, bà V1 không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh, mặt khác những sự việc được bà V, bà V1 đưa ra cũng không phải là căn cứ để tước bỏ quyền hưởng di sản của bà H theo quy định tại Điều 621 BLDS. Cho nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến này của bà V và bà V1.

[5] Bà H trình bày cụ Í và cụ Y không để lại di chúc. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà V xuất trình bản di chúc đứng tên cụ Í đề ngày 28/3/2007 có nội dung *“có 1 căn nhà cấp bốn và 1 mảnh đất, tôi giao cho con gái út tên là V1 9m ngang tính từ góc khế đến giáp tường rãnh nước..., còn từ góc khế trở lên tôi giao cho con gái cả tên là V hưởng...”* Đồng thời, theo bà V trình bày di chúc do bà viết hộ hai cụ, lý do cụ Y không biết chữ, chỉ ghi được tên của mình còn cụ Í bị bệnh đục thủy tinh thể cả hai mắt, nhìn không rõ; bà cầm tay hai cụ ký (BL 220, 250). Xét về hình thức, di chúc có người chứng kiến là ông Lã Ngọc D2 và ông Lã Ngọc Đ2, nhưng không có công chứng, chứng thực. Tuy nhiên, ông D2 theo bị đơn trình bày hiện nay không còn minh mẫn nên cấp sơ thẩm không lấy được lời khai, còn lời khai của ông Đ2 không thống nhất, có tài liệu ông khai ký làm chứng vào giấy tờ cụ Í chuẩn bị trước, có tài liệu khai chứng kiến hai cụ viết di chúc. Theo quy định tại khoản 3 Điều 652 BLDS 2005 thì di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không

biết chữ phải được người làm chứng lập thành văn bản và có công chứng hoặc chứng thực. Đồng thời, theo quy định tại Điều 654 BLDS 2005 thì người thừa kế theo di chúc không được làm chứng cho việc lập di chúc. Do đó, di chúc đứng tên cụ Í đề ngày 28/3/2007 do bà V cung cấp là không hợp pháp. Di sản của cụ Í và cụ Y được chia thừa kế theo pháp luật.

[6] Tại giai đoạn phúc thẩm, bà V đề nghị giám định dấu vân tay của cụ Y và giám định lại chữ viết “Lã Ngọc Ích” trong bản di chúc nêu trên thì thấy, tại bản di chúc (bản chính) do bị đơn cung cấp không thể hiện dấu vân tay của cụ Y, đồng thời tại lời khai ngày 08/11/2023 bà V thừa nhận không còn bút tích, tài liệu gì có chữ ký sống của cụ Í, cụ Y (BL 250). Do đó, việc giám định theo yêu cầu của bà V là không thể thực hiện được. Ngoài ra, việc giám định lại chữ viết của cụ Í cũng không cần thiết, không có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án do bản di chúc đã được xác định là không hợp pháp. Đề nghị này của bị đơn không được chấp nhận.

[7] Bị đơn cho rằng năm 1985 được cụ Í cho 300m² đất thổ cư, nhưng bị đơn cũng thừa nhận chưa thực hiện thủ tục tách thửa và đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất này. Theo cung cấp của UBND phường L thì cụ Í vẫn đứng tên chủ sử dụng đất đối với thửa đất ở trong bản đồ Vlap năm 2009. Căn cứ quy định của Điều 503 BLDS, không có căn cứ xác định bị đơn được quyền sử dụng hợp pháp diện tích đất ở 300m² như ý kiến của bị đơn.

[8] Nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Í và cụ Y là đất ở có diện tích 593,1 m² tại thửa số 79, tờ bản đồ số 08 năm 1980 và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm đã trích trả công sức quản lý, tôn tạo di sản cho bị đơn là 170m² đất, phần di sản còn lại là 423,1 m², chia đều cho bà H, bà V, bà V1; mỗi kỹ phần là 141 m² đất, là phù hợp, đúng quy định pháp luật, cần được giữ nguyên.

[9] Người kháng cáo là người cao tuổi, có Đơn đề nghị miễn tiền án phí, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 284, 289, khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Lã Thị H.
2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lã Thị V và kháng cáo của bà Lã Thị V1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 25/01/2024 của TAND thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

3. Về án phí phúc thẩm: Các đương sự được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND thành phố Hưng Yên;
- VKSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THADS thành phố Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VP; Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Tuấn Trọng